TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2022**/HNGĐ-ST
Ngày **23/02/2022**
Về việc"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Kim Khoe**

2. Ông **Đoàn Hồng Sơn**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** huyện T , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2021/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Ngọc N** - sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Kinh 10A, xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Tuấn V** - sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Đ , thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc N trình bày:**

Chị Phạm Thị Ngọc N và anh Lê Tuấn V được hai bên gia đình mai mối sau đó tìm hiểu nhau khoảng 8 tháng rồi tổ chức đám cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang ngày 28/11/2017.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cự cãi, không hiểu nhau, giữa chị N và cha mẹ chồng có mâu thuẫn,

mặc dù có con nhưng anh V ham chơi không chăm sóc con, anh V bỏ bê con cái không quan tâm không có trách nhiệm với vợ con, chị N có đề nghị ra ở riêng nhưng anh V và gia đình chồng không đồng ý, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, nên tháng 12/2020 chị N và con về nhà cha mẹ ruột chị N sống cho đến nay nhưng anh V cũng không đến thăm con hay lo lắng cho con, nhiều lần gọi điện thoại cho chị N đe dọa đòi đánh đòi giết chị N , nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, chung sống với nhau không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 12/2020 cho đến nay.

- Về con chung: vợ chồng chị N , anh V chung sống có 01 người con tên Lê Tuấn K , sinh ngày 09/11/2018, hiện con đang sống với chị Nguyên.

Tại phiên tòa chị N yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N yêu cầu được ly hôn với anh V .

- *Về con chung:* Chị N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án có triệu tập anh Lê Tuấn V để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng anh Lê Tuấn V vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Ngọc N .

- *Về quan hệ con chung:* Đề nghị giao cháu Lê Tuấn K , sinh ngày 09/11/2018 cho chị Phạm Thị Ngọc N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung:* vợ chồng chị N anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy báo phiên tòa hợp lệ, anh Lê Tuấn V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt anh Lê Tuấn V .

Xét thấy anh Vũ chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị N tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ các thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh V vẫn không đến Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh V chung sống với nhau được UBND thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 213, ngày 28/11/2017, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Nguyên là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, vợ chồng anh chị chung sống với nhau đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị N cho rằng do vợ chồng thường xuyên cự cãi, giữa chị N và cha mẹ chồng có mâu thuẫn, mặc dù có con nhưng anh V ham chơi không chăm sóc con, bỏ bê con cái không quan tâm không có trách nhiệm với vợ con, chị N có đề nghị ra ở riêng nhưng anh V và gia đình chồng không đồng ý, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, nên tháng 12/2020 chị N và con về nhà cha mẹ ruột chị N sống cho đến nay nhưng anh V cũng không đến thăm con hay lo lắng cho con, nhiều lần gọi điện thoại cho chị N đe dọa đòi đánh đòi giết chị N .

Tại phiên tòa, chị N thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Mặt khác, chị N và anh V hai bên đã ly thân với nhau từ tháng 12/2020 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N được ly hôn với anh V .

[3] Về quan hệ con chung: Chị N và anh V chung sống có 01 người con tên Lê Tuấn K , sinh ngày 09/11/2018, hiện đang sống với chị N .

Xét thấy, cháu K hiện đang sống với chị N , được chị N nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu. Hội đồng xét xử thống nhất giao cho chị N tiếp tục

nuôi con là phù hợp, chị N có khả năng nuôi con nên không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản, nữ trang chung: chị N , anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về nợ chung: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Trường hợp anh V cho rằng có tài sản chung và có tranh chấp, sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác và sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị N phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Ngọc N được ly hôn với anh Lê Tuấn V .

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Phạm Thị Ngọc N tiếp tục nuôi người con tên Lê Tuấn K , sinh ngày 09/11/2018. Chị Phạm Thị Ngọc N không yêu cầu anh Lê Tuấn V cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị Ngọc N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Lê Tuấn V tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về quan hệ tài sản, nữ trang chung: chị Nguyên, anh Vũ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị Ngọc N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006131 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Lê Tuấn V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chiến